

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 04 - 3 - 2021

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các hội thẩm nhân dân :

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết

2. Bà Khuất Thị Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký viên TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2020/TLST-DSTC ngày 29 tháng 10 năm 2020, về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐ-ST, ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức N - Giám đốc Chi nhánh Hà Giang. Địa chỉ: Tổ 13 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Đức N1 - Phó giám đốc kiêm trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang (*Quyết định v/v uỷ quyền tham gia tố tụng và tham gia Thi hành án dân sự số 1282/2020/QĐ-LPBHG-GĐ ngày 15/10/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang*), có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang P, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 3 thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai ngày 30/10/2020 và quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 12 tháng 12 năm 2016 Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh tỉnh Hà Giang (*Sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) đã ký Hợp đồng tín dụng

số 2404/TDH/2016 với ông Nguyễn Quang P, cho ông P vay số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), mục đích vay để mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 60 tháng, không có tài sản bảo đảm, có người cam kết đồng trách nhiệm trả nợ, lãi suất cho vay do hai bên thoả thuận trong 03 tháng đầu tối thiểu là 12%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi định kỳ điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng 3 tháng 1 lần. Phương thức trả nợ gốc và lãi: Trả gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc trả đều hàng tháng là 60 kỳ, **mỗi kỳ trả 5.000.000đ vào ngày 28 hàng tháng. Kỳ hạn trả lãi: Trả vào ngày 28 hàng tháng, theo dư nợ gốc giảm dần.** Sau khi ký HĐTD cùng ngày 12/12/2016 Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Quang P vay số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) bằng hình thức giải ngân vào tài khoản của ông P được mở tại ngân hàng.

Sau khi nhận khoản tiền vay của Ngân hàng, thời gian đầu ông P đã thực hiện việc trả nợ đúng theo thoả thuận. Đến kỳ trả nợ **tháng 5 năm 2018** ông P không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo cam kết với ngân hàng, đã để phát sinh nợ quá hạn, ông P đã vi phạm các thoả thuận, cam kết hợp đồng đã ký với ngân hàng **và có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.** Ngân hàng đã nhiều lần gửi Giấy mời và liên hệ với ông P đến Ngân hàng để làm việc nhưng ông P cố tình không hợp tác và đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho Ngân hàng được biết. Tổng số tiền nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/10/2020 ông P còn phải trả là 307.319.339,đ (*Ba trăm linh bảy triệu ba trăm mười chín nghìn ba trăm ba chín đồng*). Trong đó: Dư nợ gốc là 222.440.374đ (*Hai trăm hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng*), lãi dự thu là 48.170.153đ (*Bốn mươi tám triệu một trăm bảy mươi nghìn một trăm năm mươi ba đồng*), lãi phạt gốc là 36.708.812,đ (*Ba mươi sáu triệu bảy trăm linh tám nghìn tám trăm mười hai đồng*).

Do vi phạm hợp đồng và để phát sinh nợ quá hạn ngân hàng đã có Quyết định thu hồi trước hạn toàn bộ khoản vay, ngày 26/02/2019 ngân hàng đã có Thông báo v/v thu hồi nợ trước hạn toàn bộ khoản vay của ông Nguyễn Quang P, khi biết thông tin ông P cũng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên toà đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Quang P phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử 04/3/2021 là 321.184.592,đ (*Ba trăm hai một triệu một trăm tám tư nghìn năm trăm chín hai đồng*), trong đó: Nợ gốc là 222.440.374đ (*Hai trăm hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng*); Lãi dự thu là 51.020.694,đ, **lãi phạt gốc là 47.723.461,đ (*Bốn bảy triệu bảy trăm hai ba nghìn bốn trăm sáu một đồng*)** và các khoản lãi tiếp tục phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi ông P trả xong các khoản nợ. Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục cho vay theo đúng các quy định của pháp luật và thoả thuận giữa ngân hàng với khách hàng, do đó ngân hàng yêu cầu ông P phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo đúng các quy định và thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2404/TDH/2016 ngày 12/12/2016.

* Bị đơn ông Nguyễn Quang P: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông P đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông P không có mặt, không có lý do. Qua xác minh tổ trưởng tổ 3 thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang cung cấp: Ông Nguyễn Quang P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3 thị trấn Y, tuy nhiên hiện nay ông P không có mặt ở địa phương, việc ông P đi đâu, làm gì, ở đâu ông P không thông báo lại với tổ do vậy tổ dân phố không nắm được.

Toà án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 16/12/2020 và 31/12/2020, tuy nhiên ông Nguyễn Quang P đều không có mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hoà giải giữa các đương sự được.

* Ý kiến của đại diện VKSND thành phố H:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71- BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72 - BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào **Căn cứ vào Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 471, 473, 474, 476 BLDS năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 của BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Buộc ông Nguyễn Quang P phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 04/3/2021 là 321.184.592,đ và khoản lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi ông P trả hết nợ.**

- Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc ông P chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang. Địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Quang P. Theo quy định tại **khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40** Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Quang P: Ông P hiện nay không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho ngân hàng biết được coi là cố tình che giấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định chung. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông P là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang đồng ý cho Ông Nguyễn Quang P vay số tiền 300.000.000,đ (*Ba trăm triệu đồng*), mục đích vay để mua sắm vật dụng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 60 tháng, không có tài sản bảo đảm, ông P cam kết trích trả bằng tiền lương và thu nhập hàng tháng nhưng không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, xác định tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng Tín dụng (*Hợp đồng dân sự*) được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

[4] Về nội dung: Ngày 12 tháng 12 năm 2016 Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số 2404/TDH/2016 với ông Nguyễn Quang P để cho ông vay số tiền 300.000.000,đ (*Ba trăm triệu đồng*), mục đích vay để mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 60 tháng, không có tài sản bảo đảm, có người ký cam kết đồng trách nhiệm trả nợ là bà Trần Thị M, lãi suất cho vay do hai bên thỏa thuận trong 03 tháng đầu tối thiểu là 12%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi định kỳ điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng 3 tháng 1 lần. Phương thức trả nợ gốc và lãi: Trả gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc trả đều hàng tháng là 60 kỳ, **mỗi kỳ trả 5.000.000đ vào ngày 28 hàng tháng. Kỳ hạn trả lãi: Trả vào 28 hàng tháng, theo dư nợ gốc giảm dần** là đúng thực tế. Tuy nhiên ngân hàng không có yêu cầu khởi kiện đối với người đã ký cam kết đồng trách nhiệm trả nợ là bà Trần Thị M, do vậy HĐXX không xem xét.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng ông P đã vi phạm cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng và để phát sinh nợ quá hạn. Xác định thời điểm vi phạm hợp đồng, để phát sinh nợ quá hạn với ngân hàng của ông P bắt đầu từ ngày **28/5/2018**. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông P trả nợ và thực hiện nhiều biện pháp để xử lý, thu hồi nợ nhưng ông P đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và không thông báo cho ngân hàng biết địa chỉ nơi ở mới. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/3/2021 ông P còn nợ Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi là 321.184.592,đ (*Ba trăm hai một triệu một trăm tám tư nghìn năm trăm chín hai đồng*), trong đó: Nợ gốc là 222.440.374đ (*Hai trăm hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng*); Lãi quá hạn là 98.744.155,đ (***Chín tám triệu bảy trăm bốn bốn nghìn một trăm năm lăm đồng***). Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi nêu trên là có căn cứ, phù hợp với các

quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và phù hợp với thoả thuận của Hợp đồng tín dụng số 2404/TDH/2016 ngày 12/12/2016 (BL 22-24). Ngoài ra ông P còn phải chịu khoản lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vụ án cho đến khi trả hết khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 290 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[6] Ông Nguyễn Quang P cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu của mình. Do đó HĐXX không có căn cứ để xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; điểm b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 290, 471, 473, 474, 476 BLDS năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh tỉnh Hà Giang, xử: Buộc ông Nguyễn Quang P phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh tỉnh Hà Giang, tổng số tiền tính đến ngày xét xử 04/3/2021 là 321.184.592,đ (Ba trăm hai một triệu một trăm tám tư nghìn năm trăm chín hai đồng), trong đó: Nợ gốc là 222.440.374đ (Hai trăm hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng); Lãi dự thu là 51.020.694đ (Năm một triệu không trăm hai mươi nghìn sáu trăm chín mươi tư đồng); Lãi phạt gốc dự thu là 47.723.461đ (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm hai ba nghìn bốn trăm sáu mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Quang P chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.059.000,đ (Mười sáu triệu không trăm năm chín nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang số tiền tạm ứng án phí 6.236.000đ (Sáu triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi

hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0002332 ngày 29/10/2020 (do ông Nguyễn Thanh B nộp thay).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Quang P, vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG.
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu HS - BP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Mỹ Lệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ